**PHỤ LỤC I**

MẪU ĐIỀU LỆ QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN  
*(Ban hành kèm theo Thông tư số 98/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

**I. CĂN CỨ PHÁP LÝ**

1. Luật Chứng khoán

2. Nghị định

3. Thông tư

**II. CÁC ĐỊNH NGHĨA**

|  |  |
| --- | --- |
| “Quỹ” | Là Quỹ đầu tư ……, thực hiện chào bán chứng chỉ quỹ ra công chúng(nếu có), được thành lập theo quy định của pháp luật về chứng khoán và Điều lệ quỹ. |
| “Công ty quản lý quỹ” | Nghĩa là Công ty quản lý quỹ..... được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số…… do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày……, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số …… do …… cấp ngày Công ty……. quản lý quỹ ..... được ủy thác quản lý quỹ, có quyền và nghĩa vụ theo quy định tại..... Điều lệ này. |
| “Ngân hàng giám sát” | (sau đây gọi tắt là ngân hàng……) Nghĩa là Ngân hàng…… được thành lập theo Giấy phép thành lập số .... do Ngân hàng Nhà nước việt Nam cấp ngày ..... và Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số…… do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày……, cung cấp các dịch vụ: (i) bảo quản, lưu ký chứng khoán, tài liệu xác nhận quyền sở hữu tài sản hợp pháp của quỹ; các hợp đồng kinh tế, các chứng từ có liên quan đến tài sản của Quỹ đồng thời giám sát hoạt động của Quỹ; (ii) thực hiện chức năng giám sát toàn bộ hoạt động quản lý tài sản của quỹ do Công ty quản lý quỹ thực hiện. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát được quy định tại… Điều lệ này. |
| “Công ty kiểm toán” | Là công ty kiểm toán cho quỹ được Đại hội nhà đầu tư chỉ định, là công ty kiểm toán..., là công ty kiểm toán độc lập, được chấp thuận thực hiện việc kiểm toán hằng năm tài sản của Quỹ đầu tư.... |
| “Điều lệ quỹ...” | Bao gồm văn bản này, các Phụ lục đính kèm và các sửa đổi bổ sung hợp pháp (nếu có). |
| “Bản cáo bạch” | Là tài liệu hoặc dữ liệu điện tử công khai những thông tin chính xác, trung thực, khách quan liên quan đến việc chào bán và phát hành chứng chỉ quỹ của Quỹ. |
| “Hợp đồng giám sát” | Là hợp đồng được ký kết giữa Công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát được thông qua bởi Đại hội nhà đầu tư của Quỹ. |
| “Nhà đầu tư” | Là cá nhân, tổ chức trong nước và nước ngoài nắm giữ chứng chỉ Quỹ. |
| “Đại hội nhà đầu tư” | Là Đại hội của nhà đầu tư có quyền biểu quyết được tổ chức thường kỳ hoặc bất thường để thông qua các vấn đề quan trọng có liên quan đến Quỹ. Đại hội nhà đầu tư là cơ quan quyền lực cao nhất của Quỹ. |
| “Ban đại diện quỹ” | Là những người đại diện cho nhà đầu tư được Đại hội nhà đầu tư bầu ra để thay mặt nhà đầu tư thực hiện việc giám sát các hoạt động của Quỹ, Công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát. |
| “Vốn điều lệ” | Là tổng số vốn bằng tiền do tất cả Nhà đầu tư thực góp tại đợt phát hành chứng chỉ quỹ lần đầu ra công chúng và được ghi trong Điều lệ này. |
| “Chứng chỉ Quỹ đầu tư…” | Là loại chứng khoán xác nhận quyền sở hữu của nhà đầu tư đối với một phần vốn góp tại quỹ. Mệnh giá 01 chứng chỉ quỹ là 10.000 đồng. |
| “Lô chứng chỉ quỹ” (quỹ ETF) | Một lô chứng chỉ quỹ ETF bao gồm tối thiểu 100.000 chứng chỉ quỹ. Lô ETF là đơn vị giao dịch trong giao dịch theo cơ chế hoán đổi danh mục giữa quỹ ETF và thành viên lập quỹ, nhà đầu tư. |
| “Giá bán/Giá phát hành” | Là mức giá nhà đầu tư phải thanh toán để mua một đơn vị quỹ. Giá bán/Giá phát hành bằng mệnh giá (trong đợt chào bán lần đầu ra công chứng) hoặc bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ cộng thêm giá dịch vụ phát hành đã quy định tại Điều lệ Quỹ. |
| “Giá mua lại” (nếu có) | Là mức giá mà công ty quản lý quỹ phải thanh toán để mua lại từ nhà đầu tư một đơn vị quỹ. Giá mua lại bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ trừ đi giá dịch vụ mua lại chứng chỉ quỹ đã quy định tại Điều lệ Quỹ. |
| “Giá dịch vụ quản lý quỹ” | Là giá dịch vụ phải trả cho Công ty quản lý quỹ cung cấp dịch vụ quản lý quỹ đã được quy định tại Điều lệ Quỹ. |
| “Giá dịch vụ phát hành/giá dịch vụ mua lại (nếu có)” | Là giá dịch vụ mà nhà đầu tư phải trả khi mua/bán một đơn vị chứng chỉ quỹ chờ quỹ. Giá dịch vụ phát hành/giá dịch vụ mua lại tính theo tỷ lệ phần trăm giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ Quỹ quy định tại Điều lệ này. |
| “Cổ tức Quỹ” | Là số lợi nhuận còn lại của Quỹ sau khi trừ đi các chi phí hợp lệ và được Đại hội nhà đầu tư quyết định chia theo tỷ lệ sở hữu của Nhà đầu tư. |
| “Năm tài chính” | Là 12 tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hằng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó. |
| “Giá trị tài sản ròng của Quỹ” | Là tổng giá trị các tài sản và các khoản đầu tư do Quỹ sở hữu trừ đi các nghĩa vụ nợ của Quỹ tại ngày định giá. |
| “Ngày định giá” | Là ngày mà Công ty quản lý quỹ xác định giá trị tài sản ròng của Quỹ. |
| “Ngày giao dịch chứng chỉ quỹ” (nếu có) | Là ngày mà công ty quản lý quỹ, thay mặt quỹ, phát hành và mua lại chứng chỉ quỹ hoặc lô chứng chỉ quỹ từ thành viên lập quỹ, nhà đầu tư theo cơ chế giao dịch của quỹ. |
| “Thời điểm đóng sổ lệnh” (nếu có) | Là thời điểm cuối cùng mà đại lý phân phối nhận lệnh giao dịch từ nhà đầu tư để thực hiện trong ngày giao dịch chứng chỉ quỹ. |
| “Thành viên lập quỹ” (nếu có) | Là công ty chứng khoán có nghiệp vụ môi giới chứng khoán và tự doanh chứng khoán, ngân hàng lưu ký đã ký hợp đồng lập quỹ ETF với công ty quản lý quỹ. |
| Tổ chức quản lý bất động sản (đối với quỹ bất động sản) | Là doanh nghiệp cung cấp dịch vụ kinh doanh bất động sản, có uy tín, chuyên môn được Công ty quản lý quỹ ..... ủy quyền thực hiện việc bảo quản, giữ gìn, vận hành và khai thác bất động sản theo hợp đồng quản lý bất động sản. |
| “Các định nghĩa khác” | Các định nghĩa khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Luật Chứng khoán và các văn bản khác có liên quan. |

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Tên Quỹ và địa chỉ liên hệ**

Tên đầy đủ bằng tiếng Việt:

Tên đầy đủ bằng tiếng Anh:

Tên viết tắt:

Địa chỉ liên hệ:

**Điều 2. Thời hạn hoạt động của Quỹ**

**Điều 3. Nguyên tắc tổ chức của Quỹ**

**Điều 4. Tổng vốn huy động và số lượng chứng chỉ quỹ/số lô chứng chỉ quỹ chào bán**

1. Vốn điều lệ huy động trong đợt phát hành lần đầu ra công chúng của Quỹ là: …… VNĐ. Số vốn này được chia thành …… chứng chỉ quỹ/lô chứng chỉ quỹ. Mệnh giá của mỗi chứng chỉ quỹ là 10.000 đồng.

2. Nhà đầu tư góp vốn bằng tiền Đồng Việt Nam dưới hình thức chuyển khoản hoặc chuyển tiền vào tài khoản của Quỹ mở tại ngân hàng giám sát.

3. Số lượng chứng chỉ quỹ/tổ chứng chỉ quỹ được phép lưu hành tối đa (nếu có):

4. Việc thay đổi giá trị tài sản huy động tối đa hoặc số lượng/số lô chứng chỉ quỹ huy động tối đa phải do Đại hội nhà đầu tư quyết định và phải thông báo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

**Điều 5. Chỉ định đại diện huy động vốn và chào bán chứng chỉ Quỹ**

Đại diện theo pháp luật của công ty quản lý quỹ được chỉ định là đại diện huy động vốn và chào bán chứng chỉ Quỹ ra công chúng.

**Điều 6. Công ty quản lý quỹ**

- Công ty quản lý quỹ:

- Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán số:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại:  Fax:

**Điều 7. Ngân hàng giám sát**

- Ngân hàng:

- Giấy phép thành lập và hoạt động số:

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số:

- Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký số:

- Địa chỉ trụ sở chính:

- Điện thoại: Fax:

**Điều 8. Các tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan** (quy định này không bắt buộc có trong Điều lệ quỹ)

1. Tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng (nếu có):

- Tên tổ chức:

- Giấy phép thành lập và hoạt động số……. do ……… cấp ngày ………; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số…… do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày …… (nếu có)

- Địa chỉ trụ sở chính:

2. Tổ chức cung cấp dịch vụ quản trị quỹ (nếu có):

- Tên tổ chức:

- Giấy phép thành lập và hoạt động số …… do …… cấp ngày……; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số ..... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày …… (nếu có)

- Địa chỉ trụ sở chính:

3. Các tổ chức khác (nêu rõ hoạt động được ủy quyền):

- Tên tổ chức:

- Giấy phép thành lập và hoạt động số…… do…… cấp ngày……; Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán số..... do Ủy ban chứng khoán Nhà nước cấp ngày …… (nếu có)

- Địa chỉ trụ sở chính:

**Chương II**

**CÁC QUY ĐỊNH VỀ MỤC TIÊU, CHÍNH SÁCH VÀ HẠN CHẾ ĐẦU TƯ**

**Điều 9. Mục tiêu đầu tư**

**Điều 10. Chiến lược đầu tư**

1. Chiến lược đầu tư

2. Lĩnh vực, ngành nghề đầu tư

3. Các loại tài sản Quỹ được phép đầu tư

Danh mục đầu tư của Quỹ phải phù hợp với mục tiêu, chiến lược đầu tư và các quy định tại Thông tư hướng dẫn hoạt động và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán

4. Cơ cấu danh mục đầu tư (đối với quỹ đầu tư chứng khoán bất động sản)

**Điều 11. Hạn chế đầu tư**

1. Hạn mức của Quỹ được quy định chi tiết tuân thủ các quy định tại Thông tư hướng dẫn hoạt động và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán đối với từng loại hình quỹ.

2. Các hạn chế đầu tư được phép sai lệch và nguyên nhân

3. Công ty quản lý quỹ phải điều chỉnh lại danh mục đầu tư đáp ứng các hạn mức đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều này trong thời hạn .... tháng kể từ ngày sai lệch phát sinh.

4. Trường hợp công ty quản lý quỹ không tuân thủ các hạn chế đầu tư theo quy định của pháp luật hoặc Điều lệ quỹ, công ty quản lý quỹ có trách nhiệm điều chỉnh lại danh mục đầu tư trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày sai lệch phát sinh. Trong trường hợp này, Công ty quản lý quỹ phải chịu mọi chi phí phát sinh liên quan đến các giao dịch này và các tổn thất (nếu phát sinh). Nếu phát sinh lợi nhuận thì phải hạch toán ngay mọi khoản lợi nhuận có được cho quỹ.

**Điều 12. Hoạt động vay, cho vay, giao dịch ký quỹ**

Hoạt động vay, cho vay, giao dịch mua bán lại, giao dịch ký quỹ, bán khống của quỹ phải được quy định chi tiết theo các quy định tại Thông tư hướng dẫn hoạt động và quản lý các quỹ đầu tư chứng khoán đối với từng loại hình quỹ.

**Điều 13. Phương pháp lựa chọn đầu tư**

1. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với các công cụ thị trường tiền tệ.

2. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với công cụ nợ.

3. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với cổ phiếu.

4. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với trái phiếu.

5. Phương pháp lựa chọn đầu tư đối với các tài sản đầu tư khác.

**Điều 14. Quản lý bất động sản trong danh mục đầu tư** (áp dụng đối với quỹ đầu tư bất động sản)

**Điều 15. Hoạt động giao dịch tài sản của quỹ đầu tư bất động sản**

1. Giao dịch bất động sản của quỹ đầu tư bất động sản

2. Điều kiện giao dịch bất động sản với người có quyền lợi liên quan

**Chương III**

**NHÀ ĐẦU TƯ, SỐ ĐĂNG KÝ NHÀ ĐẦU TƯ VÀ GIAO DỊCH CHỨNG CHỈ QUỸ**

**Điều 16. Nhà đầu tư**

1. Nhà đầu tư của Quỹ là tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước, sở hữu ít nhất là.... chứng chỉ quỹ ……. trở lên. Nhà đầu tư không chịu trách nhiệm pháp lý hoặc nghĩa vụ khác ngoài trách nhiệm trong phạm vi số chứng chỉ Quỹ mà họ sở hữu.

2. Nhà đầu tư tổ chức bao gồm các tổ chức kinh tế, xã hội được pháp luật Việt Nam công nhận. Nhà đầu tư pháp nhân cử người đại diện hợp pháp đại diện cho số chứng chỉ quỹ mà mình sở hữu. Việc đề cử, hủy bỏ hay thay thế người đại diện này phải được thông báo bằng văn bản, do người đại diện có thẩm quyền của nhà đầu tư tổ chức ký.

**Điều 17. Quyền và nghĩa vụ của Nhà đầu tư**

1. Nhà đầu tư có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 101 Luật Chứng khoán;

b) Quyền được đối xử công bằng, mỗi chứng chỉ quỹ đều tạo cho người sở hữu quyền, nghĩa vụ, lợi ích ngang nhau;

c) Quyền tự do chuyển nhượng chứng chỉ quỹ, trừ trường hợp bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ;

d) Quyền được tiếp cận đầy đủ các thông tin định kỳ và thông tin bất thường về hoạt động của quỹ;

e) Quyền và trách nhiệm tham gia các cuộc họp Đại hội nhà đầu tư và thực hiện quyền biểu quyết dưới hình thức trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác);

đ) Nghĩa vụ thanh toán đầy đủ tiền mua chứng chỉ quỹ trong thời hạn quy định tại Điều lệ quỹ, Bản cáo bạch và chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của quỹ trong phạm vi số tiền đã thanh toán khi mua chứng chỉ quỹ;

e) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật về chứng khoán và tại Điều lệ này.

2. Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư sở hữu từ 5% trở lên tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành *hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn do Điều lệ quỹ quy định* có các quyền sau đây:

a) Xem xét và trích lục sổ biên bản và các Nghị quyết của Ban đại diện quỹ, báo cáo tài chính năm và các báo cáo của ngân hàng giám sát liên quan đến hoạt động của quỹ;

b) Yêu cầu công ty quản lý quỹ triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư bất thường trong các trường hợp sau:

- Công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát vi phạm quyền của nhà đầu tư hoặc nghĩa vụ của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát hoặc ra quyết định vượt quá thẩm quyền quy định tại Điều lệ quỹ, hợp đồng giám sát hoặc được giao bởi Đại hội nhà đầu tư, gây tổn thất cho quỹ;

- Ban đại diện quỹ đã hết nhiệm kỳ trên 06 tháng mà chưa được bầu thay thế;

- Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ quỹ;

c) Yêu cầu công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát giải trình các vấn đề bất thường liên quan đến tài sản và hoạt động quản lý, giao dịch tài sản của quỹ. Trong thời hạn 15 ngày kểtừ ngày nhận được yêu cầu, công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát phải trả lời nhà đầu tư;

d) Kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội nhà đầu tư. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến công ty quản lý quỹ chậm nhất…… ngày làm việc trước ngày khai mạc:

đ) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ quỹ.

3. Nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư sở hữu từ 10% trở lên tổng số chứng chỉ quỹ đang lưu hành *hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn do Điều lệ quỹ quy định* có các quyền đề cử người vào Ban đại diện quỹ. Trình tự, thủ tục đề cử áp dụng tương tự theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp áp dụng đối với việc đề cử người vào Hội đồng quản trị của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% trở lên tổng số cổ phần phổ thông.

4. Yêu cầu, kiến nghị của nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2,3 Điều này phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, số Giấy chứng minh thư nhân dân hoặc Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; tên, địa chỉ trụ sở chính, quốc tịch, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập đối với nhà đầu tư là tổ chức; số lượng chứng chỉ quỹ nắm giữ và thời điểm nắm giữ của từng nhà đầu tư, tổng số chứng chỉ quỹ của cả nhóm nhà đầu tư và tỷ lệ sở hữu trong tổng số chứng chỉ quỹ đang Lưu hành của quỹ; nội dung yêu cầu, kiến nghị; căn cứ và lý do. Trường hợp triệu tập Đại hội nhà đầu tư bất thường theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều này, phải kèm theo các tài liệu xác minh lý do việc triệu tập Đại hội nhà đầu tư bất thường; hoặc các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền theo quy định tại Điều lệ quỹ, hợp đồng giám sát.

**Điều 18. Điều kiện đối với nhà đầu tư tham gia giao dịch hoán đổi quỹ ETF**

1. Nhà đầu tư sở hữu chứng khoán cơ cấu và đáp ứng yêu cầu về tỷ trọng, số lượng chứng khoán trong danh mục chứng khoán cơ cấu theo thông báo của công ty quản lý quỹ khi thực hiện giao dịch hoán đổi chứng khoán cơ cấu lấy chứng chỉ quỹ, ngoại trừ trường hợp bổ sung bằng tiền theo quy định.

2. Nhà đầu tư sở hữu tối thiểu.... lô chứng chỉ quỹ khi thực hiện giao dịch hoán đổi chứng chỉ quỹ lấy chứng khoán cơ cấu.

3. Nhà đầu tư chỉ được thực hiện giao dịch hoán đổi tại thành viên lập quy nơi nhà đầu tư mở tài khoản giao dịch chứng khoán và đã ký hợp đồng dịch vụ về giao dịch hoán đổi.

4. Điều kiện khác theo quy định tại Điều lệ này.

**Điều 19. Sổ đăng ký nhà đầu tư**

1. Công ty quản lý quỹ thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng lập và quản lý sổ đăng ký nhà đầu tư chính (sổ chính) hoặc ủy quyền đại lý ký danh lập, quản lý đăng ký nhà đầu tư phụ (sổ phụ) và xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư.

2. Sổ chính, sổ phụ phải có các thông tin sau:

a) Tên, địa chỉ trụ sở chính của công ty quản lý quỹ; tên, địa chỉ trụ sở chính của ngân hàng giám sát; tên đầy đủ của quỹ; mã chứng khoán niêm yết của quỹ (nếu có);

b) Tổng số chứng chỉ quỹ được quyền chào bán, tổng số chứng chỉ quỹ đã bán và tổng vốn huy động được cho quỹ;

c) Danh sách nhà đầu tư, thành viên lập quỹ (đối với quỹ ETF): họ tên, số Giấy chứng minh thư nhân dân hoặc Căn cước công dân hoặc Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác, địa chỉ liên lạc (đối với cá nhân), tên đầy đủ, tên viết tắt, số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc số Quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính (đối với tổ chức); số tài khoản lưu ký chứng khoán (nếu có); số tài khoản của nhà đầu tư hoặc số tiểu khoản kèm theo số tài khoản ký danh; số lượng chứng chỉ quỹ/lô chứng chỉ quỹ ETF sở hữu; tỷ lệ sở hữu; ngày đăng ký mua và ngày thanh toán; kèm theo xác nhận của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam về chi tiết danh mục cơ cấu của từng thành viên lập quỹ, nhà đầu tư đang được phong tỏa nhằm mục đích đưa vào quỹ ETF (đối với quỹ ETF).

d) Ngày lập sổ đăng ký nhà đầu tư.

3. Công ty quản lý quỹ, tổ chức cung cấp dịch vụ đại lý chuyển nhượng phải luôn có đầy đủ thông tin về sở hữu của từng nhà đầu tư, kể cả nhà đầu tư giao dịch trên tài khoản ký danh. Thông tin về tài sản của nhà đầu tư trên sổ chính là bằng chứng xác nhận quyền sở hữu chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư. Đối với quỹ mở, quyền sở hữu của nhà đầu tư được xác lập kể từ thời điểm thông tin về sở hữu của nhà đầu tư được cập nhật tại sổ chính.

**Điều 20. Chuyển nhượng chứng chỉ quỹ đóng, quỹ thành viên**

1. Công ty quản lý quỹ không có trách nhiệm mua lại chứng chỉ quỹ theo yêu cầu của nhà đầu tư.

2. Nhà đầu tư chuyển nhượng chứng chỉ quỹ thông qua giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán sau khi quỹ được niêm yết (đối với quỹ đóng, quỹ đầu tư bất động sản) hoặc theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ quỹ (đối với quỹ thành viên).

**Điều 21. Giao dịch chứng chỉ quỹ mở**

1. Công ty quản lý quỹ phải tổ chức giao dịch chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư. Hoạt động giao dịch phải được tổ chức định kỳ.

2. Tần suất giao dịch của quỹ

3. Lệnh mua

4. Lệnh bán

5. Lệnh chuyển đổi (nếu có)

6. Thời điểm đóng sổ lệnh

7. Phương thức thanh toán

**Điều 22. Mua lại một phần, tạm dừng giao dịch chứng chỉ quỹ mở, quỹ ETF**

**Điều 23. Giao dịch hoán đổi danh mục cơ cấu lấy lô chứng chỉ quỹ ETF và ngược lại**

**Điều 24. Giao dịch chứng chỉ quỹ ETF trên Sở giao dịch chứng khoán**

**Điều 25. Giá bán, giá mua lại**

1. Giá phát hành lần đầu

2. Giá bán một đơn vị quỹ được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tính tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ trừ đi giá dịch vụ mua lại (nếu có).

3. Giá mua lại một đơn vị quỹ được xác định bằng giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ tính tại ngày giao dịch chứng chỉ quỹ cộng với giá dịch vụ phát hành (nếu có).

4. Giá dịch vụ mua lại

5. Giá dịch vụ phát hành

6. Giá dịch vụ chuyển đổi

**Điều 26. Thừa kế chứng chỉ quỹ**

1. Việc thừa kế chứng chỉ quỹ phải phù hợp với quy định của pháp luật về thừa kế. Quỹ chỉ chấp nhận người thừa kế hợp pháp và không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tranh chấp nào Liên quan đến việc thừa kế hoặc người thừa kế.

2. Công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát sẽ đăng ký người thừa kế hợp pháp trong sổ đăng ký nhà đầu tư sau khi người thừa kế đó đã cung cấp đầy đủ bằng chứng hợp pháp về việc thừa kế.

**Điều 27. Giải pháp cho vấn để thua lỗ của Quỹ**

**Chương IV**

**ĐẠI HỘI NHÀ ĐẦU TƯ**

**Điều 28. Đại hội nhà đầu tư**

1. Đại hội nhà đầu tư là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Quỹ và tất cả các nhà đầu tư có tên trong sổ đăng ký nhà đầu tư trước khi triệu tập cuộc họp đều có quyền tham dự.

2. Đại hội nhà đầu tư do công ty quản lý quỹ triệu tập và quyết định những nội dung sau:

a) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ quỹ;

b) Thay đổi cơ bản trong chính sách, mục tiêu đầu tư của quỹ; tăng mức giá dịch vụ trả cho công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát; thay thế công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát;

c) Chia, tách, sáp nhập, hợp nhất quỹ; giải thể quỹ; thay đổi vốn điều lệ của quỹ đóng; thay đổi thời hạn hoạt động của quỹ;

d) Phương án phân phối lợi tức;

đ) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chủ tịch và thành viên Ban đại diện quỹ; quyết định mức thù lao và chi phí hoạt động của Ban đại diện quỹ; thông qua việc lựa chọn tổ chức kiểm toán được chấp thuận để kiểm toán báo cáo tài chính hằng năm của quỹ, doanh nghiệp thẩm định giá độc lập (nếu có); thông qua các báo cáo tài chính, báo cáo về tài sản và hoạt động hằng năm của quỹ;

e) Xem xét và xử lý vi phạm của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát và Ban đại diện quỹ gây tổn thất cho quỹ;

g) Yêu cầu công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát xuất trình sổ sách hoặc giấy tờ giao dịch tại Đại hội nhà đầu tư;

h) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật và tại Điều lệ này.

3. Chương trình và nội dung họp Đại hội nhà đầu tư được công ty quản lý quỹ xây dựng tương ứng với chương trình họp, nội dung họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định pháp luật về doanh nghiệp. Tối thiểu 07 ngày làm việc trước khi diễn ra cuộc họp Đại hội nhà đầu tư, công ty quản lý quỹ phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước toàn bộ chương trình, nội dung họp và các tài liệu có liên quan, đồng thời công bố thông tin về việc triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư, trong đó nêu rõ lý do và mục tiêu của cuộc họp.

4. Đại hội nhà đầu tư thường niên được tổ chức trong thời hạn 04 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Ban đại diện quỹ, cuộc họp Đại hội nhà đầu tư thường niên có thể gia hạn nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính và phải thông báo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước. Trường hợp Điều lệ quỹ có quy định, việc họp Đại hội nhà đầu tư thường niên được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

**Điều 29. Đại hội nhà đầu tư bất thường**

1. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm triệu tập họp bất thường Đại hội nhà đầu tư trong các trường hợp sau:

a) Công ty quản lý quỹ hoặc ngân hàng giám sát hoặc Ban đại diện quỹ khi xét thấy là cần thiết vì quyền lợi của quỹ;

b) Theo yêu cầu của nhà đầu tư hoặc nhóm nhà đầu tư quy định tại điểm b khoản 2 Điều 17 Điều lệ này;

c) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ này.

2. Việc tổ chức họp bất thường Đại hội nhà đầu tư được thực hiện trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày công ty quản lý quỹ nhận được yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội nhà đầu tư.

2. Trường hợp công ty quản lý quỹ không triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều này, công ty quản lý quỹ phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với quỹ (nếu có). Trường hợp công ty quản lý quỹ không triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư theo quy định tại khoản 2 Điều này, trong thời hạn 30 ngày tiếp theo, Ban đại diện quỹ hoặc ngân hàng giám sát thay thế công ty quản lý quỹ triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ này.

**Điều 30. Điều kiện, thể thức tiến hành họp, thông qua quyết định Đại hội nhà đầu tư**

1. Cuộc họp Đại hội nhà đầu tư được tiến hành khi có số nhà đầu tư tham dự đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết. Hình thức tham gia có thể là trực tiếp hoặc ủy quyền tham gia hoặc hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa (gửi thư, fax, thư điện tử, tham dự hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác) theo quy định tại Điều lệ này.

2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này, cuộc họp lần thứ hai được triệu tập trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ nhất dự định khai mạc. Trong trường hợp này, Đại hội nhà đầu tư được tiến hành không phụ thuộc vào số nhà đầu tư tham dự.

3. Đại hội nhà đầu tư thông qua Nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.

4. Nghị quyết Đại hội nhà đầu tư về các các nội dung quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 28 Điều lệ này phải được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội nhà đầu tư. Trong trường hợp này, quyết định tại cuộc họp được thông qua khi số nhà đầu tư đại diện trên 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả nhà đầu tư dự họp tán thành *hoặc một tỷ lệ khác cao hơn do Điều lệ quỹ quy định.*

5. Quyết định của Đại hội nhà đầu tư được thông qua tại cuộc họp khi được số nhà đầu tư đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả nhà đầu tư dự họp tán thành *hoặc một tỷ lệ khác cao hơn do Điều lệ quỹ quy định*, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này.

6. Công ty quản lý quỹ được lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều này. Nguyên tắc, nội dung, trình tự, thủ tục lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản phải được quy định rõ tại Điều lệ quỹ, phù hợp với quy định pháp luật về doanh nghiệp. Trong trường hợp này, công ty quản lý quỹ phải tuân thủ thời hạn gửi phiếu và tài liệu họp cho nhà đầu tư như trường hợp mời họp Đại hội nhà đầu tư.

7. Trường hợp lấy ý kiến Đại hội nhà đầu tư dưới hình thức bằng văn bản, quyết định của Đại hội nhà đầu tư được thông qua khi được số nhà đầu tư đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả nhà đầu tư có quyền biểu quyết tán thành *hoặc một tỷ lệ khác cao hơn do Điều lệ quỹ quy định.*

8. Công ty quản lý quỹ, Ban đại diện quỹ có trách nhiệm xem xét, bảo đảm các Nghị quyết của Đại hội nhà đầu tư phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này. Trong trường hợp quyết định của Đại hội nhà đầu tư không phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ này thì phải tổ chức họp Đại hội nhà đầu tư để lấy ý kiến lại hoặc lấy ý kiến nhà đầu tư bằng văn bản.

**Điều 31. Phản đối quyết định của Đại hội nhà đầu tư**

1. Nhà đầu tư quỹ mở phản đối quyết định đã được thông qua bởi Đại hội nhà đầu tư về một số các nội dung quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 28 Điều lệ này có quyền yêu cầu công ty quản lý quỹ mua lại chứng chỉ quỹ của mình hoặc chuyển đổi sang quỹ khác cùng loại hình của công ty quản lý quỹ. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ liên lạc của nhà đầu tư, số lượng đơn vị quỹ, lý do yêu cầu mua lại hoặc đề nghị chuyển đổi sang quỹ khác do công ty quản lý. Yêu cầu phải được nhà đầu tư gửi tới trụ sở chính của công ty quản lý quỹ, đại lý phân phối trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Đại hội nhà đầu tư thông qua quyết định về các vấn đề nêu trên.

2. Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày công bố kết quả họp Đại hội nhà đầu tư, công ty quản lý quỹ phải hoàn tất việc mua lại hoặc chuyển đổi chứng chỉ quỹ cho nhà đầu tư phản đối quyết định của Đại hội nhà đầu tư theo quy định tại khoản 1 Điều này. Trong trường hợp này, mức giá mua lại được xác định trên cơ sở giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ tại kỳ giao dịch chứng chỉ quỹ gần nhất kể từ khi Công ty quản lý quỹ nhận được yêu cầu của nhà đầu tư và nhà đầu tư không phải thanh toán giá dịch vụ mua lại, giá dịch vụ chuyển đổi.

**Chương V**

**BAN ĐẠI DIỆN QUỸ**

**Điều 32. Ban đại diện quỹ**

1. Ban đại diện quỹ có .... thành viên, được bầu tại cuộc họp Đại hội nhà đầu tư hoặc được nhà đầu tư cho ý kiến bằng văn bản. Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban đại diện quỹ phải tuân thủ quy định sau:

a) Thông tin liên quan đến các ứng viên Ban đại diện quỹ phải được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty quản lý quỹ chậm nhất 10 ngày trước ngày triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư để bầu thành viên Ban đại diện quỹ. Thông tin tối thiểu phải bao gồm: họ tên, ngày tháng năm sinh; trình độ chuyên môn; trình độ quản lý; kinh nghiệm trong hoạt động quản lý tài sản, hoặc phân tích đầu tư hoặc các kinh nghiệm trong hoạt động chứng khoán, ngân hàng, bảo hiểm; quá trình công tác và kết quả đạt được; các công ty, quỹ mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban đại diện quỹ; các lợi ích có liên quan tới công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát (nếu có); các thông tin khác nếu có liên quan;

b) Trường hợp số lượng các ứng viên Ban đại diện quỹ thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban đại diện quỹ đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ quỹ. Cơ chế đề cử hay cách thức Ban đại diện quỹ đương nhiệm đề cử ứng viên Ban đại diện quỹ được công bố rõ ràng và được Đại hội nhà đầu tư thông qua trước khi tiến hành đề cử;

c) Trình tự, thủ tục đề cử, ứng cử thành viên Ban đại diện quỹ

(thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị)

2. Tối thiểu 2/3 số thành viên của Ban đại diện quỹ là các thành viên độc lập theo nguyên tắc sau:

a) Không phải là người có liên quan của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát, hoặc đại diện theo ủy quyền của các tổ chức này;

b) Đáp ứng các quy định khác tại Điều lệ quỹ (nếu có).

3. Trong Ban đại diện quỹ phải có (áp dụng với quỹ đại chúng):

a) Tối thiểu 01 thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong lĩnh vực kế toán, kiểm toán.

b) Tối thiểu 01 thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong hoạt động phân tích đầu tư chứng khoán hoặc quản lý tài sản;

c) Tối thiểu 01 thành viên có trình độ chuyên môn về pháp luật;

Trường hợp là quỹ đầu tư bất động sản dưới hình thức quỹ đóng thì không phải tuân thủ quy định tại điểm a khoản này mà phải có tối thiểu 01 thành viên độc lập có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản, thẩm định giá bất động sản.

**Điều 33. Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện quỹ**

1. Nhiệm kỳ của thành viên Ban đại diện quỹ không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế

2. Tiêu chuẩn lựa chọn thành viên Ban đại diện quỹ

(thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị)

3. Những người sau đây không được là thành viên Ban đại diện quỹ:

a) Các trường hợp thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị

b) Là thành viên của trên 05 Ban đại diện quỹ đại chúng, Hội đồng quản trị công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

c) Các trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ quỹ.

**Điều 34. Quyền và nghĩa vụ của Ban đại diện quỹ**

1. Đại diện cho quyền lợi của nhà đầu tư; thực hiện các hoạt động phù hợp với quy định pháp luật để bảo vệ quyền lợi của nhà đầu tư.

2. Phê duyệt sổ tay định giá giá trị tài sản ròng của quỹ, danh sách các tổ chức cung cấp báo giá; danh sách các tổ chức tín dụng theo quy định tại... Điều lệ này; chấp thuận các giao dịch theo quy định tại... Điều lệ này.

3. Quyết định mức lợi tức phân phối theo phương án phân chia lợi nhuận quy định tại Điều lệ quỹ hoặc đã được Đại hội nhà đầu tư thông qua; thời điểm thực hiện, cách thức, hình thức phân phối lợi nhuận.

4. Quyết định các vấn đề chưa có sự thống nhất giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát trên cơ sở quy định của pháp luật.

5. Trường hợp Điều lệ quỹ đã có quy định và Đại hội nhà đầu tư gần nhất đã ủy quyền, Ban đại diện quỹ được quyết định các vấn đề quy định tại... Điều lệ này.

6. Yêu cầu công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát kịp thời cung cấp đầy đủ các tài liệu, thông tin về hoạt động quản lý quỹ và hoạt động giám sát.

7. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định tại Điều lệ quỹ.

**Điều 35. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện quỹ**

1. Quyền, nghĩa vụ của thành viên Ban đại diện quỹ thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị của công ty niêm yết và tại Điều lệ quỹ.

2. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì quyền lợi tốt nhất của quỹ; không được ủy quyền cho người khác thực hiện quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của mình đối với quỹ.

3. Tham dự đầy đủ các cuộc họp Ban đại diện quỹ và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận.

**Điều 36. Chủ tịch Ban đại diện quỹ**

1. Đại hội nhà đầu tư bầu chủ tịch Ban đại diện quỹ trong số thành viên Ban đại diện quỹ, chủ tịch Ban đại diện quỹ phải là thành viên độc lập.

2. Chủ tịch Ban đại diện quỹ có các quyền và nhiệm vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Ban đại diện quỹ;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, các tài liệu phục vụ cuộc họp triệu tập và chủ tọa cuộc họp Ban đại diện quỹ;

c) Theo dõi quá trình tổ chức thực hiện các quyết định của Ban đại diện quỹ;

d) Các quyền và nhiệm vụ khác quy định tại Điều lệ quỹ.

**Điều 37. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Ban đại diện quỹ**

(thực hiện theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và chứng khoán áp dụng đối với thành viên Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị)

**Điều 38. Thủ tục điều hành của Ban đại diện quỹ**

1. Trường hợp Chủ tịch Ban đại diện quỹ vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên Ban đại diện quỹ được chủ tịch Ban đại diện quỹ ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của chủ tịch Ban đại diện quỹ.

2. Trường hợp không có người được ủy quyền, các thành viên Ban đại diện quỹ còn lại chọn một trong số các thành viên độc lập tạm thời giữ chức chủ tịch Ban đại diện quỹ theo nguyên tắc nhất trí. Việc bầu lại chủ tịch Ban đại diện quỹ sẽ được thực hiện tại Đại hội nhà đầu tư gần nhất.

**Điều 39. Cuộc họp Ban đại diện quỹ**

1. Ban đại diện quỹ tổ chức họp tối thiểu... tháng... lần hoặc theo yêu cầu của công ty quản lý quỹ.

2. Trình tự tổ chức cuộc họp, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên trước ... ngày.

3. Cuộc họp Ban đại diện quỹ được tổ chức khi có tối thiểu 2/3 số thành viên dự họp, trong đó số thành viên độc lập phải chiếm đa số (trên 50% số thành viên dự họp trở lên). Thành viên không trực tiếp dự họp có quyền biểu quyết thông qua bỏ phiếu bằng văn bản hoặc theo hình thức khác theo quy định tại Điều lệ quỹ. Quyết định của Ban đại diện quỹ được thông qua nếu được đa số thành viên và đa số thành viên độc lập thông qua.

4. Quyết định của Ban đại diện quỹ được thông qua bằng biểu quyết tại các cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc theo hình thức khác quy định tại Điều lệ quỹ. Mỗi thành viên Ban đại diện quỹ có một phiếu biểu quyết.

**Điều 40. Biên bản họp Ban đại diện quỹ**

Biên bản họp Ban đại diện quỹ phải được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và chủ tọa phiên họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Ban đại diện quỹ tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung thì biên bản này có hiệu lực. Biên bản họp Ban đại diện quỹ phải được lưu giữ tại công ty quản lý quỹ theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp và Điều lệ quỹ.

**Chương VI**

**CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ**

**Điều 41. Tiêu chuẩn lựa chọn Công ty quản lý quỹ**

**Điều 42. Quyền và nghĩa vụ của Công ty quản lý quỹ**

1. Nghĩa vụ của công ty quản lý quỹ

2. Quyền của công ty quản lý quỹ

**Điều 43. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của Công ty quản lý quỹ**

1. Công ty quản lý quỹ chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với quỹ trong các trường hợp theo quy định tại Điều lệ này và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

2. Trong trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ đối với quỹ của Công ty quản lý quỹ được chuyển giao cho một Công ty quản lý quỹ khác phải theo quy định của pháp luật hiện hành.

**Điều 44. Hạn chế hoạt động của Công ty quản lý quỹ**

**Chương VII**

**NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**

**Điều 45. Tiêu chuẩn lựa chọn ngân hàng giám sát**

1. Ngân hàng giám sát do Công ty quản lý quỹ lựa chọn phải đáp ứng các điều kiện quy định tại Điều 116 Luật Chứng khoán.

2. Ngân hàng giám sát phải hoàn toàn độc lập và tách biệt với công ty quản lý quỹ mà ngân hàng cung cấp dịch vụ giám sát.

**Điều 46. Quyền và nghĩa vụ của ngân hàng giám sát**

1. Nghĩa vụ của ngân hàng giám sát

a) Luôn luôn hành động vì lợi ích tốt nhất của các nhà đầu tư quỹ;

b) Chịu trách nhiệm đối với những tổn thất gây ra cho Quỹ do những sai sót của ngân hàng;

c) Đảm bảo thực hiện giám sát hoạt động của công ty quản lý quỹ trong việc quản lý tài sản quỹ theo quy định tại Luật Chứng khoán, các quy định có liên quan và Điều lệ quỹ ;

d) Cung cấp các dịch vụ giám sát, lưu ký tài sản của Quỹ theo đúng quy định của pháp luật liên quan, Hợp đồng giám sát và Điều lệ quỹ;

e) Tách bạch tài sản của Quỹ với tài sản của công ty quản lý quỹ, tài sản của các quỹ khác, tài sản của những khách hàng khác của ngân hàng giám sát và tài sản của chính ngân hàng giám sát;

f) Đảm bảo và hoàn toàn chịu trách nhiệm đối với tài sản của Quỹ khi ủy thác cho tổ chức lưu ký phụ;

g) Giám sát hoặc tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ [tần suất] phù hợp với các quy định pháp luật và Điều lệ Quỹ, đảm bảo việc tính toán giá trị tài sản ròng của Quỹ là chính xác;

h) Xử lý các giao dịch về chứng khoán phù hợp với chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát có thể từ chối những chỉ thị đó nếu ngân hàng giám sát có cơ sở để tin rằng những chỉ thị này là không hợp pháp hoặc không phù hợp với Điều lệ quỹ. Việc từ chối phải được gửi bằng văn bản đến công ty quản lý quỹ và nêu rõ lý do, bản sao gửi đến Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

i) Thực hiện đối chiếu thường xuyên tài sản của Quỹ với công ty quản lý quỹ;

k) Thanh toán những khoản chi phí hợp lý, hợp lệ của Quỹ theo chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ, đảm bảo những khoản chi phí đó phù hợp với các quy định pháp luật và các điều khoản của Điều lệ quỹ;

l) Thanh toán tiền cho nhà đầu tư của Quỹ khi công ty quản lý quỹ thực hiện việc mua lại chứng chỉ quỹ của nhà đầu tư, hoặc khi quỹ phân phối thu nhập hoặc khi Quỹ thanh lý, giải thể thanh toán cho nhà đầu tư và các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Quỹ theo đúng chỉ thị hợp pháp của công ty quản lý quỹ, đảm bảo rằng những khoản thanh toán được thực hiện phù hợp với các điều khoản của Điều lệ;

m) Giữ sổ theo dõi riêng về những thay đổi trong tổng số chứng chỉ phát hành, số chứng chỉ quỹ sở hữu bởi từng nhà đầu tư, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, địa chỉ và cập nhật tất cả những thay đổi nếu có.

2. Quyền của ngân hàng giám sát

**Điều 47. Hoạt động giám sát của ngân hàng giám sát**

1. Phạm vi giám sát chỉ hạn chế trong các hoạt động của Công ty quản lý quỹ có liên quan tới Quỹ mà ngân hàng thực hiện chức năng giám sát. Trong hoạt động giám sát, ngân hàng giám sát phải:

a) Phối hợp với công ty quản lý quỹ định kỳ rà soát quy trình nội bộ về nguyên tắc, phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của quỹ; giám sát việc xác định giá tài sản ròng; kiểm tra, bảo đảm giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ là tính đúng, chính xác và phù hợp quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ quỹ;

b) Giám sát hoạt động đầu tư và các giao dịch tài sản của quỹ, kiểm tra lại bảo đảm loại tài sản đầu tư, cơ cấu danh mục đầu tư là phù hợp với các quy định về hạn chế đầu tư, hạn chế vay theo quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ; giám sát các giao dịch tài sản giữa quỹ với công ty quản lý quỹ và người có liên quan, bảo đảm phù hợp với quy định của pháp luật và tại Điều lệ quỹ;

Trường hợp phát hiện dấu hiệu vi phạm quy định của pháp luật, ngân hàng giám sát phải báo cáo cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và thông báo cho công ty quản lý quỹ trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi phát hiện sự việc đồng thời yêu cầu công ty quản lý quỹ thực hiện biện pháp xử lý, khắc phục kịp thời các hậu quả phát sinh trong thời hạn theo quy định;

c) Giám sát việc tổ chức thực hiện, kiểm tra kết quả hợp nhất, sáp nhập, giải thể, thanh lý tài sản quỹ;

d) Giám sát, bảo đảm tính hợp pháp và chỉ thanh toán từ tài sản của quỹ, các khoản chi phù hợp với quy định của pháp luật và các quy định tại Điều lệ quỹ;

đ) Giám sát các hoạt động khác của công ty quản lý quỹ trong việc quản lý tài sản của quỹ theo đúng quy định tại Điều 116 Luật Chứng khoán, các quy định có liên quan tại các văn bản hướng dẫn Luật Chứng khoán và tại Điều lệ quỹ;

e) Xác nhận các báo cáo về giá trị tài sản ròng, hoạt động đầu tư, danh mục đầu tư của quỹ do công ty quản lý quỹ lập.

2. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm lập và lưu trữ trong thời gian 10 năm các hồ sơ, chứng từ dưới dạng văn bản và tệp dữ liệu điện tử nhằm xác nhận việc tuân thủ trong hoạt động của ngân hàng giám sát đối với Công ty quản lý quỹ theo các quy định của pháp luật. Các tài liệu này phải được cung cấp theo yêu cầu bằng văn bản của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

3. Khi có yêu cầu bằng văn bản của công ty quản lý quỹ, ngân hàng giám sát có trách nhiệm cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác những thông tin cần thiết cho Công ty quản lý quỹ, tổ chức kiểm toán được chấp thuận để các tổ chức này thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ đối với quỹ theo quy định của pháp luật, Điều lệ quỹ.

4. Ngân hàng giám sát có quyền yêu cầu công ty quản lý quỹ kịp thời cung cấp các tài liệu, thông tin cần thiết, có liên quan; thông tin về tổ chức phát hành mà quỹ, công ty đầu tư chứng khoán đầu tư để ngân hàng giám sát có thể thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với quỹ, công ty đầu tư chứng khoán theo quy định của pháp luật. Ngân hàng giám sát có trách nhiệm bảo mật theo quy định của pháp luật đối với mọi tài liệu, thông tin nhận được từ công ty quản lý quỹ.

5. Trường hợp Công ty quản lý quỹ phải bồi thường thiệt hại cho quỹ, nhà đầu tư, Ngân hàng giám sát phải phối hợp với Công ty quản lý quỹ thực hiện thủ tục thanh toán một cách kịp thời và đầy đủ cho quỹ, nhà đầu tư theo chỉ thị hợp pháp của Công ty quản lý quỹ. Ngân hàng giám sát liên đới cùng với công ty quản lý quỹ có trách nhiệm đền bù thiệt hại cho quỹ, công ty đầu tư chứng khoán trong trường hợp các thiệt hại phát sinh do ngân hàng giám sát không thực hiện đầy đủ và kịp thời trách nhiệm giám sát hoạt động đầu tư của quỹ, xác định giá trị tài sản ròng của quỹ và các hoạt động giám sát khác đối với quỹ theo các quy định của pháp luật. Mức độ bồi thường thiệt hại thực hiện theo các điều khoản của hợp đồng ký kết hoặc thỏa thuận giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát

**Điều 48. Chấm dứt quyền và nghĩa vụ đối với Quỹ của ngân hàng giám sát**

1. Ngân hàng giám sát chấm dứt quyền và nghĩa vụ của mình đối với quỹ trong các trường hợp theo quy định tại Điều lệ này và phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

2. Trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, quyền và nghĩa vụ đối với quỹ của ngân hàng giám sát được chuyển giao cho ngân hàng giám sát, ngân hàng lưu ký khác theo quy định pháp luật

**Chương VIII**

**CÁC TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ LIÊN QUAN**

**Điều 49. Các hoạt động được ủy quyền**(các dịch vụ được thuê ngoài)

**Điều 50. Tiêu chí lựa chọn tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan**

1. Tiêu chí về đủ năng lực, hệ thống, nhân sự, kinh nghiệm, tính chuyên nghiệp.

2. Tiêu chí về cơ cấu tổ chức của bộ phận cung cấp dịch vụ liên quan của bên nhận ủy quyền, hệ thống quy trình nghiệp vụ, hệ thống báo cáo và phê duyệt báo cáo.

**Điều 51. Trách nhiệm của tổ chức cung cấp dịch vụ liên quan**

1. Nguyên tắc của hoạt động ủy quyền

2. Phạm vi hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của các bên nhận ủy quyền

3. Yêu cầu về chứng từ, sổ sách, cơ sở dữ liệu

4. Bên nhận ủy quyền phải thực hiện các hoạt động nhận ủy quyền một cách hiệu quả, cẩn trọng, có trách nhiệm bảo mật mọi thông tin liên quan tới nhà đầu tư và đối tác của công ty quản lý quỹ.

5. Bên nhận ủy quyền có trách nhiệm cung cấp cho công ty quản lý quỹ các báo cáo kiểm toán độc lập đối với các nội dung có liên quan tới hoạt động ủy quyền, phục vụ cho hoạt động kiểm tra, giám sát của công ty quản lý quỹ.

**Điều 52. Trách nhiệm của công ty quản lý quỹ đối với hoạt động đã ủy quyền**

1. Việc ủy quyền không làm giảm trách nhiệm hoặc thay đổi trách nhiệm của công ty quản lý quỹ đối với quỹ.

2. Trước khi ký kết hợp đồng sử dụng dịch vụ của bên nhận ủy quyền, công ty quản lý quỹ phải thẩm định và lập biên bản đánh giá năng lực và cơ sở vật chất, bảo đảm bên nhận ủy quyền có đủ trang thiết bị cơ sở vật chất, giải pháp kỹ thuật, quy trình nghiệp vụ, nhân sự có kinh nghiệm và trình độ chuyên môn phù hợp để thực hiện các hoạt động được ủy quyền.

3. Thường xuyên kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động đã ủy quyền được thực hiện thận trọng, an toàn, phù hợp với quy định của pháp luật, quy định tại Điều lệ này, bảo đảm chất lượng dịch vụ cung cấp phù hợp với tiêu chí và yêu cầu của quỹ. Công ty quản lý quỹ được sử dụng tư vấn độc lập, dịch vụ cung cấp bởi các tổ chức chuyên nghiệp, hoạt động hợp pháp khác để thực hiện trách nhiệm quy định này.

4. Duy trì nhân sự có kinh nghiệm, chuyên môn, nghiệp vụ cần thiết để có đủ khả năng giám sát, nhận diện và quản lý hiệu quả các rủi ro phát sinh từ hoạt động đã ủy quyền;

5. Xây dựng có quy trình, hệ thống bảo đảm tại mọi thời điểm công ty quản lý quỹ, tổ chức kiểm toán độc lập, cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền có thể tiếp cận các thông tin cần thiết để kiểm tra, giám sát các hoạt động ủy quyền, đánh giá và quản lý các rủi ro phát sinh từ hoạt động ủy quyền;

6. Công ty quản lý quỹ phải chịu hoàn toàn trách nhiệm phát sinh từ việc ủy quyền. Công ty quản lý quỹ phải bảo đảm tính liên tục đối với các hoạt động đã ủy quyền, không gián đoạn và gây ảnh hưởng tới hoạt động đầu tư của nhà đầu tư;

7. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin liên quan cho bên nhận ủy quyền có thể thực thi đầy đủ, kịp thời mọi quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm trong hoạt động ủy quyền;

8. Lưu trữ đầy đủ, kịp thời, chính xác các chỉ thị, yêu cầu, văn bản gửi cho bên nhận ủy quyền để thực hiện các hoạt động ủy quyền.

**Điều 53. Chấm dứt hoạt động ủy quyền**

**Chương IX**

**DOANH NGHIỆP THẨM ĐỊNH GIÁ ĐỘC LẬP**

(áp dụng với quỹ đầu tư chứng khoán bất động sản)

**Điều 54. Tiêu chuẩn lựa chọn doanh nghiệp thẩm định giá độc lập**

**Điều 55. Quyền và nghĩa vụ của doanh nghiệp thẩm định giá độc lập**

**Điều 56. Hoạt động định giá của doanh nghiệp thẩm định giá độc lập**

**Chương X**

**ĐẠI LÝ PHÂN PHỐI, ĐẠI LÝ KÝ DOANH**

**Chương XI**

**KIỂM TOÁN, KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ BÁO CÁO**

**Điều 57. Tiêu chuẩn lựa chọn và thay đổi Công ty Kiểm toán**

**Điều 58. Năm tài chính**

Năm tài chính là 12 tháng tính từ đầu ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12 năm dương lịch hằng năm. Năm tài chính đầu tiên của Quỹ sẽ được tính từ ngày Quỹ được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy chứng nhận đăng ký lập quỹ cho đến hết ngày 31 tháng 12 của năm đó.

**Điều 59. Chế độ kế toán**

Quỹ sẽ áp dụng chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định khác liên quan tới công tác kế toán cho Quỹ do các cơ quan có thẩm quyền quy định.

**Điều 60. Báo cáo tài chính**

**Điều 61. Báo cáo khác**

**Chương XII**

**GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ**

**Điều 62. Xác định giá trị tài sản ròng của quỹ**

1. Công ty quản lý quỹ phải xây dựng sổ tay định giá để áp dụng một cách thống nhất trong hoạt động quản lý tài sản của quỹ. Công ty quản lý quỹ có trách nhiệm xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ ETF tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ quỹ.

2. Công ty quản lý quỹ được ủy quyền cho ngân hàng giám sát xác định giá trị tài sản ròng, giá trị tài sản ròng trên một chứng chỉ quỹ của quỹ, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ ETF. Trong trường hợp này, công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát phải có cơ chế và quy trình đối chiếu, soát xét, kiểm tra, giám sát bảo đảm hoạt động xác định giá trị tài sản ròng được tính chính xác và phù hợp sổ tay định giá, Điều lệ này và các quy định của pháp luật

3. Giá trị tài sản ròng của quỹ phải được xác định định kỳ ... và phải được công bố công khai theo quy định của pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

**Điều 63. Nguyên tắc, tiêu chí lựa chọn, thay đổi tổ chức cung cấp báo giá**

**Điều 64. Nguyên tắc, quy trình và phương pháp xác định giá trị tài sản ròng của quỹ**

**Điều 65. Đền bù thiệt hại cho nhà đầu tư, quỹ (áp dụng đối với quỹ mở)**

1. Công ty quản lý quỹ phải đền bù thiệt hại cho quỹ, nhà đầu tư giao dịch chứng chỉ quỹ khi định giá sai giá trị tài sản ròng của quỹ, với các mức sai lệnh như sau:

a) Đạt từ 0,75% giá trị tài sản ròng trở lên trong trường hợp quỹ trái phiếu;

b) Đạt từ 1,00% giá trị tài sản ròng trở lên trong các trường hợp khác.

2. Trong trường hợp quỹ bị định giá thấp, mốc đền bù cho quỹ và cho nhà đầu tư được xác định như sau:

a) Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ trước thời gian quỹ bị định giá sai và bán chứng chỉ trong thời gian quỹ bị định giá sai: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng đơn vị quỹ nhà đầu tư đã bán;

b) Đối với quỹ: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng đơn vị quỹ mà quỹ đã phát hành trong thời gian bị định giá sai và hiện còn đang lưu hành;

3. Trong trường hợp quỹ bị định giá cao, mức đền bù cho quỹ và cho nhà đầu tư được xác định như sau:

a) Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ trong thời gian quỹ bị định giá sai và tiếp tục sở hữu sau thời gian quỹ bị định giá sai: múc đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng đơn vị quỹ nhà đầu tư đã mua và còn tiếp tục nắm giữ sau thời gian bị định giá sai;

b) Đối với quỹ: mức đền bù được xác định dựa trên mức độ sai sót và số lượng đơn vị quỹ mà quỹ đã phát hành ra trước thời gian quỹ bị định giá sai và quỹ đã mua lại trong thời gian đó.

**Chương XIII**

**PHÁT HÀNH THÊM CHỨNG CHỈ QUỸ, TĂNG/GIẢM VỐN ĐIỀU LỆ**

(áp dụng cho quỹ đóng, quỹ thành viên)

**Điều 66. Phát hành thêm chứng chỉ quỹ, tăng/giảm vốn điều lệ**

1. Quỹ có thể tăng vốn bằng cách gọi thêm vốn từ nhà đầu tư hiện hữu thông qua phát hành quyền mua chứng chỉ quỹ. Quyền mua chứng chỉ quỹ được phép chuyển nhượng. Trường hợp nhà đầu tư hiện hữu không thực hiện quyền mua chứng chỉ quỹ, công ty quản lý quỹ được chào bán phần chứng chỉ quỹ còn dư cho các nhà đầu tư khác.

2. Việc chào bán để tăng vốn của quỹ đóng phải tuân thủ các quy định pháp luật có liên quan.

3. Các phương án phát hành thêm chứng chỉ quỹ (nếu có)

4. Giảm vốn điều lệ (áp dụng cho quỹ thành viên)

**Chương XIV**

**GIÁ DỊCH VỤ PHÁT HÀNH, THU NHẬP VÀ CÁC CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG**

**Điều 67. Giá dịch vụ quản lý quỹ, giá dịch vụ lưu ký, giám sát**

**Điều 68. Thu nhập của quỹ**

**Điều 69. Chi phí hoạt động của quỹ**

**Điều 70. Chi phí khác** (bao gồm lương, thưởng và các chế độ đãi ngộ khác cho các thành viên Ban đại diện quỹ, giá dịch vụ kiểm toán, giá dịch vụ định giá và các chi phí khác)

**Điều 71. Thưởng hoạt động và chỉ số tham chiếu (không áp dụng đối với quỹ mở)**

**Điều 72. Phân chia lợi tức của quỹ**

**Chương XV**

**TÁI CƠ CẤU, GIẢI THỂ QUỸ**

**Điều 73. Hợp nhất, sáp nhập quỹ (áp dụng đối với quỹ mở, quỹ đóng)**

1. Việc hợp nhất, sáp nhập quỹ chỉ được tiến hành trong các trường hợp pháp luật quy định và được Đại hội nhà đầu tư chấp thuận.

2. Việc hợp nhất, sáp nhập quỹ phải được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

**Điều 74. Chia, tách quỹ mở**

1. Quy định về việc chia, tách quỹ

2. Việc chia, tách quỹ phải được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

**Điều 75. Giải thể quỹ**

1. Quy định về việc giải thể quỹ

2. Việc giải thể quỹ phải được Ủy ban chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

**Chương XVI**

**GIẢI QUYẾT CÁC XUNG ĐỘT VỀ LỢI ÍCH**

**Điều 76. Kiểm soát xung đột lợi ích giũa Quỹ và các Quỹ khác, các khách hàng ủy thác đầu tư của Công ty quản Iý quỹ và giữa Quỹ và Công ty quản lý quỹ**

1. Công ty quản lý quỹ phải:

- Tách biệt chiến lược đầu tư, mục tiêu đầu tư của mỗi Quỹ do Công ty quản lý quỹ quản lý;

- Tách biệt tài sản của Công ty quản lý quỹ với tài sản của các Quỹ do Công ty quản lý quỹ quản lý, tài sản của nhà đầu tư ủy thác; tách biệt tài sản của các Quỹ do Công ty quản lý quỹ quản lý.

2. Tất cả các giao dịch chứng khoán của thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Chủ tịch Công ty quản lý quỹ, thành viên Ban điều hành, thành viên Ban kiểm soát, Kiểm soát viên, người hành nghề quản lý quỹ và nhân viên của Công ty quản lý quỹ phải được báo cáo và kiểm soát phù hợp với quy định của Điều lệ Quỹ và pháp luật hiện hành.

3. Thiết lập hệ thống kiểm soát nội bộ, quản lý rủi ro, giám sát việc xung đột lợi ích trong Công ty quản lý quỹ.

**Chương XVII**

**CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG ĐIỀU LỆ**

**Điều 77. Công bố thông tin, cung cấp thông tin cho nhà đầu tư**

**Điều 77. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ**

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội nhà đầu tư quỹ đầu tư chứng khoán quyết định. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của quỹ đầu tư chứng khoán chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của quỹ đầu tư chứng khoán.

**Điều 78. Đăng ký Điều lệ, điều khoản thi hành**

1. Bản Điều lệ này gồm... Chương,... Điều được Đại hội nhà đầu tư thông qua ngày…… tháng…… năm…… và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.

2. Điều lệ được lập thành ... bản có giá trị pháp lý như nhau, trong đó… Đính kèm cùng Điều lệ các Phụ lục sau:

Phụ lục 1.1: Cam kết của công ty quản lý quỹ

Phụ lục 1.2: Cam kết của ngân hàng giám sát

Phụ lục 1.3: Cam kết chung của công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát

**Phụ lục 1.1**

**CAM KẾT CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ**

Công ty quản lý quỹ:

Số Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán: ... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày...

Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:... do ... cấp ngày ...

Công ty quản lý quỹ cam kết thực hiện các điều sau đây đối với Quỹ ...:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ quỹ trong hoạt động quản lý quỹ.

2. Thực hiện nhiệm vụ quản lý quỹ một cách hiệu quả, trung thực, tận tụy và phù hợp với mục tiêu đầu tư của Quỹ, ưu tiên quyền và lợi ích hợp pháp của Nhà đầu tư.

3. Đảm bảo Quỹ đại chúng luôn có một ngân hàng giám sát vào mọi thời điểm.

4. Trả cho ngân hàng giám sát các khoản giá dịch vụ và cho các tổ chức cung ứng dịch vụ khác theo quy định tại Điều lệ quỹ.

5. Định kỳ cung cấp cho ngân hàng giám sát các thông tin sau:

a. Các báo cáo tình hình hoạt động và báo cáo tài chính của quỹ, sổ đăng ký nhà đầu tư và số lượng chứng chỉ quỹ mà nhà đầu tư nắm giữ;

b. Các báo cáo liên quan đến Quỹ hoặc liên quan đến tài sản, danh mục đầu tư của Quỹ;

c. Bản đánh giá giá trị tài sản ròng của Quỹ, giá trị tài sản ròng trên một đơn vị quỹ, giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ;

d. Các thông tin có liên quan tới hoạt động quản lý quỹ và nghĩa vụ khác.

6. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao Điều lệ quỹ (và các phụ lục kèm theo), Bản cáo bạch (và các phụ lục kèm theo) cho các nhà đầu tư theo yêu cầu.

7. Không được đầu tư vào các chứng khoán, hoặc các tài sản mà chính công ty quản lý quỹ hoặc những người có liên quan đến công ty quản lý quỹ có lợi ích trong đó hoặc có liên quan đến các lợi ích đó, ngoại trừ các trường hợp pháp luật cho phép.

8. Không sử dụng vị thế của công ty quản lý quỹ trong hoạt động quản lý quỹ để thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho chính công ty hoặc những người có liên quan hoặc làm tổn hại đến lợi ích của các nhà đầu tư.

9. Thực hiện việc định giá và công tác kế toán cho Quỹ một cách trung thực, chính xác và kịp thời.

10. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hằng năm và các báo cáo khác của Quỹ cho các nhà đầu tư theo yêu cầu.

11. Cung cấp miễn phí hoặc được thu một mức giá dịch vụ Hợp lý khi cung cấp bản sao báo cáo hằng năm của ngân hàng giám sát đánh giá về hoạt động quản lý quỹ của công ty quản lý quỹ cho các nhà đầu tư theo yêu cầu.

12. Đảm bảo rằng mọi thông tin đã được công ty quản lý quỹ hoặc người đại diện công ty quản lý quỹ công bố là đầy đủ, trung thực, chính xác, không bỏ sót những sự kiện có ảnh hưởng đến quyền lợi nhà đầu tư, những sự kiện ảnh hưởng đến nội dung của thông tin được công bố, không bỏ sót những thông tin phải công bố theo yêu cầu của pháp luật và không gây hiểu nhầm cho nhà đầu tư.

13. Cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết để tổ chức kiểm toán độc lập của quỹ có thể thực hiện nhiệm vụ kiểm toán hiệu quả và kịp thời.

14. Báo cáo kịp thời cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trong trường hợp đối chiếu tài sản có/nợ của quỹ giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát không thống nhất.

15. Thực hiện nghĩa vụ triệu tập họp Đại hội nhà đầu tư quỹ theo quy định của pháp luật.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC) CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

**Phụ lục 1.2**

**CAM KẾT CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**

Ngân hàng giám sát:

Số Giấy phép thành lập và hoạt động:... do ... cấp ngày ...

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán:... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày...

Ngân hàng giám sát cam kết:

1. Tuyệt đối tuân thủ các quy định của pháp luật và của Điều lệ quỹ trong hoạt động giám sát.

2. Đảm bảo cho Quỹ luôn luôn có một công ty quản lý quỹ tại mọi thời điểm.

3. Thực hiện một cách tận tụy, trung thực và thận trọng các chức năng ngân hàng giám sát đối với Quỹ.

4. Thực hiện lưu ký, thanh toán, bảo quản và giám sát tất cả các tài sản, chứng khoán của Quỹ thay cho các nhà đầu tư; thực hiện việc đối chiếu tài sản có/nợ của quỹ với công ty quản lý quỹ theo định kỳ ít nhất một tháng một lần và báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước nếu như tình trạng tài sản có/nợ là không thống nhất giữa công ty quản lý quỹ và ngân hàng giám sát.

5. Tách biệt tài sản của quỹ khỏi tài sản của ngân hàng giám sát, tài sản của công ty quản lý quỹ và tài sản của các quỹ khác, tài sản của các khách hàng khác của ngân hàng giám sát

6. Giám sát danh mục đầu tư của Quỹ, việc định giá tài sản quỹ, việc xác định giá trị tài sản ròng của quỹ, xác định giá trị tài sản ròng trên một đơn vị chứng chỉ quỹ, xác định giá trị tài sản ròng trên một lô chứng chỉ quỹ theo các quy định của pháp luật hiện hành và theo quy định tại Điều lệ quỹ.

7. Đảm bảo nghĩa vụ giám sát để công ty quản lý quỹ không lợi dụng vị thế quản lý quỹ của mình thực hiện các hoạt động thu lợi trực tiếp hoặc gián tiếp cho công ty quản lý quỹ hoặc những người có liên quan làm tổn hại đến lợi ích của các nhà đầu tư.

8. Đảm bảo Quỹ được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán độc lập hàng năm.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |

**Phụ lục 1.3**

**CAM KẾT CHUNG CỦA CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ VÀ NGÂN HÀNG GIÁM SÁT**

Công ty quản lý quỹ:

Số Giấy phép thành lập và hoạt động kinh doanh chứng khoán:... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày...

Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: ... do... cấp ngày ...

Ngân hàng giám sát:

Số Giấy phép thành lập và hoạt động: ... do ... cấp ngày...

Số Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký chứng khoán:... do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày ...

1. Cùng cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo vệ lợi ích cho các nhà đầu tư.

2. Cùng cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều Lệ quỹ trong suốt thời gian hoạt động của Quỹ.

3. Cùng cam kết thực hiện quyền bỏ phiếu phát sinh liên quan đến việc sở hữu các cổ phiếu/vốn góp mà Quỹ đã đầu tư theo tinh thần và vì lợi ích của người đầu tư tại Đại hội đồng cổ đông của các tổ chức phát hành hoặc tại Hội đồng thành viên của doanh nghiệp Quỹ góp vốn.

4. Cùng cam kết không nhận bất kỳ một bất kỳ khoản thù lao, lợi nhuận hay lợi ích nào từ việc thực hiện các giao dịch tài sản Quỹ hoặc giao dịch các tài sản khác không được quy định rõ trong Điều lệ Quỹ hoặc Bản cáo bạch.

|  |  |
| --- | --- |
| **TỔNG GIÁM ĐỐC (GIÁM ĐỐC) CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* | **ĐẠI DIỆN CÓ THẨM QUYỀN CỦA NGÂN HÀNG GIÁM SÁT** *(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)* |